

Nội dung bài viết

1. [Bộ 20 bài tập trắc nghiệm Sinh học 7 Bài 8: Thủy tức](#)
2. [Đáp án bộ câu hỏi trắc nghiệm Sinh học lớp 7 Bài 8: Thủy tức](#)

Bộ 20 bài tập trắc nghiệm Sinh học 7 Bài 8: Thủy tức

Câu 1: Loài động vật nào được coi là “trùng sinh bất tử”?

- A Gián
- B Thủy tức
- C Trùng biến hình
- D Trùng giày

Câu 2: Thủy tức là động vật đại diện cho

- A Ngành động vật nguyên sinh
- B Ngành ruột khoang
- C Ngành thân mềm
- D Ngành chân khớp

Câu 3: Môi trường sống của thủy tức là

- A Nước ngọt
- B Nước mặn
- C Nước lợ
- D Trên cạn

Câu 4: Thủy tức có hình dạng như thế nào?

- A Dạng trụ dài.
- B Hình cầu.
- C Hình đĩa.

D Hình nấm.

Câu 5: Cơ thể thủy tức có kiểu đối xứng nào?

A Không đối xứng

B Đối xứng tỏa tròn

C Đối xứng hai bên

D Tất cả đều đúng

Câu 6: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu **sau**

Tua miệng thủy tức chứa nhiều ...(1)... có chức năng ...(2)....

A (1): tế bào gai; (2): tự vệ và bắt mồi

B (1): tế bào gai; (2): tự vệ và bắt mồi

C (1): tế bào sinh sản; (2): sinh sản và di chuyển

D (1): tế bào thần kinh; (2): di chuyển và tự vệ

Câu 7: Loại tế bào nào chiếm phần lớn lớp ngoài của thành cơ thể?

A Tế bào mô bì – cơ.

B Tế bào mô cơ – tiêu hoá.

C Tế bào sinh sản.

D Tế bào cảm giác.

Câu 8: Thủy tức thải chất bã ra khỏi cơ thể qua

A Màng tế bào

B Không bào tiêu hóa

C Tế bào gai

D Lỗ miệng

Câu 9: Vì sao thủy tức trao đổi khí qua thành cơ thể?

- A Vì **chúng** có ruột dạng túi
- B Vì **chúng** không có cơ quan hô hấp
- C Vì **chúng** không có hậu môn
- D Vì chưa có hệ thống tuần hoàn

Câu 10: Đặc điểm của tế bào thần kinh của thủy tức là

- A Hình túi, có gai cảm giác.
- B Chiếm chủ yếu lớp trong, có roi và không bào tiêu hoá.
- C Chiếm phần lớn ở lớp ngoài.
- D Hình sao, có gai nhô ra ngoài, phía trong toả nhánh.

Câu 11: Đặc điểm của hệ thần kinh của thủy tức là

- A Hệ thần kinh hình lưới.
- B Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch.
- C Hệ thần kinh dạng ống.
- D Hệ thần kinh phân tán, chưa phát triển.

Câu 12: Thủy tức có di chuyển bằng cách nào?

- A Di chuyển kiểu lộn đầu.
- B Di chuyển kiểu sâu đo.
- C Di chuyển bằng cách hút và nhả nước.
- D Ý A và B đều đúng.

Câu 13: Thủy tức hô hấp

- A Bằng phổi
- B Bằng mang
- C Bằng toàn bộ bề mặt cơ thể

D Bằng cả ba hình thức

Câu 14: Tế bào nào giúp thủy tức tự vệ và bắt mồi?

A Tế bào gai

B Tế bào mô bì – cơ

C Tế bào sinh sản

D Tế bào thần kinh

Câu 15: Thủy tức tiêu hóa ở

A Tế bào gai

B Tế bào sinh sản

C Túi tiêu hóa

D Chất nguyên sinh

Câu 16: Ở thủy tức, các tế bào mô bì – cơ có chức năng gì?

A Tiêu hoá thức ăn.

B Thu nhận, xử lí và trả lời kích thích từ môi trường ngoài.

C Bảo vệ cơ thể, liên kết nhau giúp cơ thể co duỗi theo chiều dọc.

D Ý A và B đều đúng.

Câu 17: Hình thức sinh sản vô tính của thủy tức là gì?

A Phân đôi.

B Mọc chồi.

C Tạo thành bào tử.

D Ý A và B đều đúng.

Câu 18: Phát biểu nào **sau** đây về thủy tức là đúng?

A Sinh sản hữu tính bằng cách tiếp hợp.

B Sinh sản vô tính bằng cách tạo bào tử.

C Lỗ hậu môn đối xứng với lỗ miệng.

D Có khả năng tái sinh.

Câu 19: Ở thủy tức đực, tinh trùng được hình thành từ

A Tuyến hình cầu.

B Tuyến sữa.

C Tuyến hình vú.

D Tuyến bã.

Câu 20: Thủy tức bắt mồi có **hiệu quả** nhờ

A Di chuyển nhanh nhẹn

B Phát hiện ra mồi nhanh

C Có tua miệng dài trang bị các tế bào gai độc

D Có miệng to và khoang ruột rộng

Đáp án bộ câu hỏi trắc nghiệm Sinh học lớp 7 Bài 8: Thủy tức

Câu 1: B

Câu 2: B

Câu 3: A

Câu 4: A

Câu 5: B

Câu 6: A

Câu 7: A

Câu 8: D

Câu 9: B

Câu 10: D

Câu 11: A

Câu 12: D

Câu 13: C

Câu 14: A

Câu 15: C

Câu 16: C

Câu 17: B

Câu 18: D

Câu 19: C

Câu 20: C